ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: LÝ THUYẾT KẾ TOÁN
NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-CĐSL ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2020)

Sơn La, năm 2020

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo trình Lý thuyết kế toán dành cho sinh viên cao đẳng, trung cấp học khối ngành kế toán, mục tiêu của giáo trình cung cấp những kiến thức cơ bản, nền tảng về kế toán làm cơ sở cho học sinh học tốt các môn chuyên môn của nghề

Tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành tới Ban giám Hiệu, hội đồng khoa học khoa kinh tế, phòng đào tạo đã tạo điều kiện thuận lợi để viết cuốn sách này.

Mặc dù hết sức cố gắng nhưng đây là lần đầu biên soạn giáo trình do đó không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Sơn la, tháng năm 2020

Chủ biên

Trần Thị Quyên

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học/mô đun: Lý thuyết kế toán

Mã môn học/mô đun: MH

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học/mô đun:

- Vị trí: Môn học Lý thuyết kế toán thuộc nhóm các môn học cơ sở được bố trí giảng dạy sau khi đã học xong các môn học chung. Môn học có vị trí quan trọng trong khoa học kinh tế quản lý nói chung và khoa học kế toán nói riêng. Trong nhóm các môn học cơ sở, môn Lý thuyết hạch toán kế toán được bố trí sau các môn chung; Lý thuyết tài chính tiền tệ.

- Tính chất: Môn học Lý thuyết kế toán cung cấp những kiến thức cơ bản, nền tảng về kế toán làm cơ sở cho học sinh học tốt các môn chuyên môn của nghề.

Mục tiêu của môn học/mô đun:

- Vê kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản của lĩnh vực kế toán: Khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ, yêu cầu, đối tượng của kế toán.

+ Phân loại được tài sản của đơn vị kế toán và hệ thống phương pháp kế toán.

+ Phân biệt được các hình thức kế toán và xác định được các loại sổ sách cần thiết cho từng hình thức kế toán.

- Về kỹ năng:

+ Sử dụng được các phương pháp kế toán để thực hành ghi chép các hoạt động chủ yếu trong đơn vị kế toán.

+ Vận dụng được những kiến thức đã được học vào nghiên cứu môn học chuyên môn cuả nghề và ứng dụng có hiệu quả vào hoạt động thực tiễn sau này.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức tích cực, chủ động trong quá trình học tập.

+ Tuân thủ những yêu cầu về phẩm chất của nghề kế toán là trung thực, chính xác, khoa học.

CHƯƠNG 1 VAI TRÒ, CHỨC NĂNG, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán.
- Xác định được đối tượng của hạch toán kế toán.
- Phân loại được toàn bộ tài sản của đơn vị kế toán.
- Phân tích được khái niệm của từng phương pháp trong hệ thống phương pháp kế toán.
- Có ý thức tích cực, chủ động trong quá trình học tập.

1. Những vấn đề chung về hạch toán kế toán

1.1. Khái niệm

Hạch toán là một hệ thống điều tra quan sát, tính toán, đo lường và ghi chép các quá trình kinh tế nhằm quản lý các quá trình đó ngày một chặt chẽ hơn.

1.2. Vai trò của hạch toán trong nền kinh tế

Trong nền kinh tế thị trường kế toán có vai trò đối với các đối tượng sau:

- Nhà quản lý kinh tế: Kế toán cung cấp các thông tin phản đi hồi lại cho nhà quản lý giúp các nhà quản lý ra các quyết định cho doanh nghiệp.
- Nhà đầu tư: Thông tin kế toán giúp cho các nhà đầu tư ra các quyết định đầu tư vào lĩnh vực nào, và cung cấp cho các nhà đầu tư biết doanh nghiệp có sử dụng vốn đầu tư đó như thế nào.
- Nhà nước: Thông tin kế toán giúp nhà nước nắm được tình hình chi phí, lợi nhuận, của các đơn vị để từ đó đề ra các chính sách về đầu tư, thuế vụ thích hợp. Ngoài ra dựa vào thông tin kế toán nhà nước lập dự toán về ngân sách nhà nước, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước.

1.3. Chức năng và nhiệm vụ của hạch toán kế toán

a. Chức năng

- Ghi nhận, lượng hoá và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong một tổ chức, đơn vị kinh tế.
- Phân loại, hệ thống hoá và tập hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Tổng hợp và tính toán các chỉ tiêu theo yêu cầu quản lý trong và ngoài doanh nghiệp.
- Cung cấp số liệu để làm quyết định quản lý.

b. Nhiệm vụ

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác các tài liệu về tình hình cung ứng, dự trữ, sử dụng tài sản tưng loại, trong quan hệ với nguồn hìnhh thành tài sản góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng hợp lý tài sản của đơn vị.

- giám sát tình hình kinh doanh của các đơn vị, tình hình sử dụng nguồn kinh phí góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Trên cơ sở thực hiện luật pháp và các chế độ thể lệ hiện hành

- Theo dõi tình hình huy động và sử dụng jtài sản do liên kết kinh tế, giám sát tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế và các nghĩa vụ với nhà nước, với cấp trên, với các đơn vị bạn.

1.4. Phân loại hạch toán kế toán

a. Hạch toán nghiệp vụ (Hạch toán nghiệp vụ, kỹ thuật): Là sự quan sát, phản ánh và giám đốc trực tiếp từng nghiệp vụ kinh tế, kỹ thuật cụ thể để chỉ đạo thường xuyên và kịp thời các nghiệp vụ đó.

- Đối tượng của hạch toán kế toán là các nghiệp vụ kinh tế hoặc kỹ thuật sản xuất.

- Đặc điểm: Không dùng một loại thước đo nào, mà căn cứ vào tính chất từng nghiệp vụ và yêu cầu quản lý mà sử dụng một trong ba thước đo thích hợp.

- Những đặc điểm của thông tin nghiệp vụ:

+ Đó là thông tin "hoả tốc" dùng cho lãnh đạo nghiệp vụ kỹ thuật ngày này.

+ Tuỳ theo yêu cầu cụ thể chỉ thông tin những phần cần cho lãnh đạo nghiệp vụ kịp thời.

+ Thông tin nghiệp vụ thường là kết quả của giai đoạn đầu quá trình nhận thức.

b. Hạch toán thống kê: là hạch toán nghiên cứu và giám đốc nhằm trình bày được nguyên nhân của những hiện tượng nghiên cứu và xác định được tính quy luật về sự phát triển của sự vật.

- Đặc điểm của hạch toán thống kê:

+ Nghiên cứu hoạt động kinh tế và các hiện tượng khác thuộc về quan hệ sản xuất và các tình hình khác thuộc về sinh hoạt xã hội.

+ Chỉ nghiên cứu và giám đốc trong điều kiện thời gian cụ thể, địa điểm cụ thể.

+ Phạm vi nghiên cứu rộng

+ Sử dụng 3 thước đo.

c. Hạch toán kế toán: Là môn khoa học phản ánh và giám đốc các mặt hoạt động kinh tế tài chính ở tất cả các doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp và các cơ quan.

- Đặc điểm:

+ Phản ánh và giám đốc một cách liên tục, toàn diện và có hệ thống tất cả các loại vật tư, tiền vốn và mọi hoạt động kinh tê.

+ Hạch toán kế toán sử dụng cả 3 loại thước đo, thước đo tiền tệ là chủ yếu.

+ Hạch toán kế toán sử dụng hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học là chứng từ, đối ứng tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán.

2. Một số khái niệm và nguyên tắc kế toán.

Các nguyên tắc kế toán là những tuyên bố chung như là các chuẩn mực là những sự hướng dẫn để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính đạt được các mục tiêu dễ hiểu, đáng tin cậy và dễ so sánh.

Nguyên tắc kế toán bao gồm 12 nguyên tắc:

2.1. Nguyên tắc thực thể kinh doanh

Là bất kỳ một đon vị kinh tế khi tiến hành hoạt động kinh doanh cần phải ghi chép tổng hợp và báo cáo.

Trên góc độ kế toán các doanh nghiệp được nhìn nhận và đối xử như những tổ chức độc lập do đó chỉ hạch toán những vận động liên quan đến doanh nghiệp. Do vậy các số liệu ghi chép và báo cáo của doanh nghiệp không được bao gồm bất kỳ quá trình kinh doanh, hoặc tài sản của doanh nghiệp khác, hoặc tài sản cá nhân và quá trình kinh doanh của chủ sở hữu doanh nghiệp đó vì nếu bao gồm một yếu tố nào cũng sẽ làm sai lệch báo cáo về tình trạng tài chính và quá trình sinh lợi của doanh nghiệp.

2.2. Nguyên tắc thước đo tiền tệ

Nguyên tắc tiền tệ là tiền được sử dụng như một đơn vị đo lường cơ bản trong các báo cáo tài chính.

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi chép bằng tiền và phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất để ghi sổ.

2.3. Nguyên tắc chi phí

Chi phí là số tiền mà đơn vị bỏ ra để có được tài sản và đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo nguyên tắc này việc tính toán tài sản, công nợ, vốn doanh thu, chi phí phải dựa trên giá thực tế mà không quan tâm đến giá thị trường.

2.4. Nguyên tắc hoạt động liên tục

Là giả thiết doanh nghiệp hoạt động vô thời hạn, hoặc ít nhất sẽ không bị giải thể trong tương lai gần là điều kiện cơ bản để có thể áp dụng các nguyên tắc, các chính sách kế toán.

2.5. Nguyên tắc doanh thu thực hiện

- Doanh thu là số tiền thu được và được ghi nhận khi quyền sở hữu hàng hoá bán ra được chuyển giao và khi các dịch vụ được cung cấp.

2.6. Nguyên tắc phù hợp

Tất cả các chi phí phát sinh để tạo ra doanh thu ở kỳ nào cũng phải phù hợp với doanh thu được ghi nhận ở kỳ đó và ngược lại.

2.7. Nguyên tắc trọng yếu

Nguyên tắc này chỉ chú trọng tới những vấn đề mang tính trọng yếu quyết định bản chất và nội dung của sự mà không quan tâm tới các yếu tố có ít tác dụng trong báo cáo tài chính.

2.8. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán là khoảng thời gian nhất định mà trong đó báo cáo tài chính được lập. Thời gian các kỳ kế toán thường dài như nhau có thể phân theo tháng, quý, năm

2.9. Nguyên tắc khách quan

Là tài liệu do kế toán cung cấp phải mang tính khách quan và có thể kiểm tra được.

2.10. Nguyên tắc công khai

Đòi hỏi các báo cáo tài chính của doanh nghiệp phải rõ ràng dễ hiểu, đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động của doanh nghiêp. Báo cáo tài chính phải được trình bày công khai cho tất cả các đối tượng cần sử dụng.

2.11. Nguyên tắc nhất quán

Trong quá tình kế toán tất cả các khái niệm, các nguyên tắc, các chuẩn mực và các tính toán phải được thực hiện trên cơ sở nhất quán từ kỳ này sang kỳ khác.

2.12. Nguyên tắc thận trọng

Nguyên tắc này đảm bảo hai yêu cầu:

Việc ghi tăng vốn chủ sở hữu chỉ thực hiện khi có chứng cớ chắc chắn và việc ghi giảm vốn chủ sở hữu được ghi nhận ngay khi có chứng cớ có thể.

3. Đối tượng của hạch toán kế toán.

3.1. Đối tượng chung của hạch toán kế toán

Hạch toán kế tóan nghiên cứu quá trình sản xuất kinh doanh thông qua sự hình thành và vận động của vốn trong một đơn vị cụ thể, nhằm quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn theo phạm vi sử dụng nhất định.

Đối tượng hạch toán kế toán có đặc điểm cụ thể sau:

- Hạch toán kế toán nghiên cứu các yếu tố của quá trình tái sản xuất trên góc độ tài sản và nguồn hình thành tài sản gọi là nguồn vốn.

- Hạch toán kế toán không chỉ nghiên cứu trạng thái tĩnh của tài sản mà còn nghiên cứu trạng thái động của tài sản trong quá trình kinh doanh.

- Hạch toán kế toán không chỉ nghiên cứu vốn ở đơn vị mà còn nghiên cứu cả các tài sản phát sinh trong mối quan hệ kinh tế pháp lý ngoài đơn vị.

- Phạm vị của hạch toán kế toán không chỉ là các tài sản trong doanh nghiệp mà còn ở cả các đơn vị hành chính sự nghiệp, các cơ quan.

Để hiểu rõ hơn về đối tượng nghiên cứu của hạch toán kế toán ta tìm hiểu đối tượng cụ thể của hạch toán kế toán trong các đơn vị

3.2. Đối tượng cụ thể của hạch toán kế toán trong các đơn vị

a, Tài sản và các loại tài sản

* Khái niệm

Tài sản là những thứ hữu hình và vô hình gắn với lợi ích trong tương lai của đơn vị và thoả mãn cac điều kiện sau:

- Thuộc quyền sở hữu và kiểm soát lâu dài của đơn vị.
- Mang lại lợi ích trong tương lai cho đơn vị
- Phải có giá phí xác định.

* Phân loại tài sản

Loại 1: Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn

Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn của doanh nghiệp là những tài sản thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, có thời gian sử dụng, luân chuyển và thu hồi trong một năm hoặc một chu kỳ kinh doanh.

Có nhiều cách phân loại tuy nhiên chúng ta sẽ phân theo mức độ khả thanh tức là dựa vào khả năng huy động cho việc thanh toán để chia các loại tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn.

- Tiền
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: Đầu tư tài chính ngắn hạn là những khoản đầu tư về vốn nhằm mục đích kiếm lời có thời hạn thu hồi trong vòng 1 năm hay một chu kỳ kinh doanh.

Bao gồm: vốn góp liên doanh ngắn hạn, đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư cho vay ngắn hạn…

- Các khoản phải thu: các khoản phải thu là số tài sản của đơn vị nhưng đang bị các tổ chức, tập thể hay các cá nhân khác chiếm dụng mà đơn vị có trách nhiệm phải thu hồi. Bao gồm: phải thu khách hàng, ứng trước tiền cho người bán, phaả thu nội bộ…
- Hàng tồn kho: Là tài sản được dự trữ cho sản xuất hoặc kinh doanh bao gồm: hàng mua đang đi đường, NVL, CCDC, thành phẩm, hàng hoá, hàng gửi bán…
- Tài sản ngắn hạn khác: Tạm ứng cho CNV, ký quỹ ký cược ngắn hạn.

Loại 2: Tài sản cố định và đầu tư dài hạn

Tài sản cố định và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp là những tài sản có giá trị lớn và thừoi gian luân chuyển dài thường là trên 1 năm. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp được chia làm các loại sau:

- Tài sản cố dịnh hữu hình: Lác các tài sản có hình thái vật chấ cụ thể bao gồm nhà xưởng, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải…

TSCĐ hữu hình có thể do doanh nghiệp tự mua sắm, xây dựng hoặc đi thuê dài hạn.

- TSCĐ vô hình: Là những tài sản không có hình thái vật chất cụ thể được thể hiện bằng 1 số tiền mà đơn vị đã đầu tư chi phí nhằm thu được những lợi ích kinh tế trong tương lai. Bao gồm: quyền sử dụng đất, bằng phát minh sáng chế, nhãn hiệu hàng hoá…

- Đầu tư tài chính dài hạn: Là những khoản đầu tư về vốn nhằm mục đích sinh lời có thời gian thu hồi cả gốc lẫn lãi trên 1 năm như: Đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh dài hạn, cho vay dài hạn, mua cổ phần, cổ phiếu dài hạn.

- Các khoản phải thu dài hạn: Là lợi ích của đơn vị hiện đang bị các đối tượng khác tạm thời chiếm dụng có thời gian thu hồi trên 1 năm như: phải thu khách hàng dài hạn, trả trước dài hạn cho người bán.

- TSCĐ thuê tài chính: Là những tài sản không thuộc quyền sở hữu nhưng thuộc quyền kiểm soát lâu dài của đơn vị.

- Bất động sản đầu tư:

- Tài sản dài hạn khác

b, Nguồn vốn và phân loại nguồn vốn

* Khái niệm: Nguồn vốn là những quan hệ tài chính mà thông qua đó đơn vị có thể khai thác hoặc huy động một số tiền nhất định để đầu tư tài sản.

* Phân loại nguồn vốn

- Vốn chủ sở hữu: Là số tiền do các nhà đầu tư các sáng lập viên đóng góp hoặc được hình thành từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Bao gồm:

+ Vốn góp: Là số tiền do các chủ sở hữu đóng góp ban đầu khi tiến hành lập doanh nghiệp để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Lợi nhuận chưa phân phối: Là kết quả hoạt động của đơn vị trong khi chưa phân phối được sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Các quỹ của doanh nghiệp: các quỹ được hình thành trên cơ sở lợi nhuận để lại hoặc được cấp trên cấp, cấp dưới nộp. Bao gồm quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi, vốn XDCB.

- Vốn chủ sở hữu khác (nợ phải trả): Là số tiền vốn mà đơn vị đi vay đi chiếm dụng, của các tổ chức các nhân khác mà đơn vị phải có nghĩa vụ thanh toán

+ Nợ phải trả ngắn hạn: Khoản nợ có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh như vay ngắn hạn, phải trả người bán, phải trả công nhân viên, thuế và các khoản phải nộp nhà nước.

+ Nợ dài hạn: bao gồm vay dài hạn, ký quỹ ký cược dài hạn.

c. Mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn

Tài sản và nguồn vốn là hai mặt độc lập về bản chất nhưng luôn thống nhất về tổng số lượng, một tài sản có thể do nhiều nguồn vốn hình thành và ngược lại 1 nguồn vốn cũng hình thành nên nhiều tài sản